TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2023
"V/v Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được

2. Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Anh T1, sinh năm: 1994; địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Anh T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau đó, ông bà về chung sống tại địa chỉ khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ. Bà và ông T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp, ông T1 thiếu trách nhiệm với gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tình trạng trên kéo dài mà không thể hàn gắn được nên hai bên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà T đã cho ông T1 rất nhiều cơ hội nhưng

ông T1 vẫn không sửa đổi. Nhận thấy giữa bà và ông T1 mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên là Huỳnh Võ Kim N, sinh ngày 21/02/2022. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Anh T1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1 biết, Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Anh T1 vắng mặt lần thứ hai và nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Võ Thị T xin ly hôn với ông Huỳnh Anh T1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông T1; Về con chung: 01 con chung tên là Huỳnh Võ Kim N, sinh ngày 21/02/2022, hiện con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Về vấn đề cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Anh T1, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị T và ông Huỳnh Anh T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Ông T1 thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho con cái và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên hai bên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà T và gia đình đã khuyên nhủ, bỏ qua nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà T đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T; cũng như thông báo để ông T1 tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà T về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông T1 không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên là Huỳnh Võ Kim N, sinh ngày 21/02/2022, hiện con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Anh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Võ Kim N, sinh ngày 21/02/2022 cho bà Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn

đến khi đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Anh T1 được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010036 ngày 14/11/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
-UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG